

ĐỀ CƯƠNG

Hướng dẫn báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và kế hoạch triển khai Đề án 06 trong năm 2024

*(Kèm theo Công văn số: /UBND-NC ngày /11/2023
của Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước)*

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH

Những nhóm nhiệm vụ được giao chủ trì hoặc phối hợp thực hiện Đề án 06 của đơn vị, địa phương trong năm 2023.

II. KẾT QUẢ CÁC MẶT CÔNG TÁC

1. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện Đề án 06 và Dịch vụ công

(1) Những văn bản đã tham mưu ban hành, chỉ đạo thực hiện triển khai các nhiệm vụ thuộc Đề án nói chung và nhiệm vụ về triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến nói riêng.

(2) Vai trò của Cơ quan thường trực trong tham mưu triển khai cho UBND các cấp; Công tác phối hợp với các đơn vị có liên quan (Y tế, Giáo dục, Lao động- Thương binh và Xã hội, Tư pháp...) trong triển khai chỉ đạo, phân công, đôn đốc, giám sát thực hiện Đề án 06.

(3) Công tác triển khai thực hiện Đề án 06 và dịch vụ công.

(4) Đánh giá ưu điểm, tồn tại, hạn chế, vướng mắc và giải pháp khắc phục.

(5) Địa phương đánh giá sâu việc chỉ đạo cơ quan, đơn vị, tổ chức, ngành có liên quan rà soát, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú hoặc có yêu cầu xuất trình giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, thống nhất với quy định của Luật Cư trú 2020; các văn bản quy phạm pháp luật để ứng dụng VneID trong công tác chuyển đổi số.

- Tồn tại, vướng mắc, điểm nghẽn:

- Nguyên nhân:

+ Khách quan

+ Chủ quan

- Giải pháp:

(Theo Phụ lục 1 gửi kèm)

2. Công tác tuyên truyền thực hiện Đề án

(1) Chương trình, kế hoạch đã ban hành để thực hiện tuyên truyền công tác triển khai Đề án 06 và Dịch vụ công.

(2) Những nội dung, hình thức đã, đang thực hiện tuyên truyền.

- Kết quả:
- + Phối hợp với Đài truyền hình trong xây dựng chương trình;
- + Phối hợp với các đài, báo điện tử trong triển khai Đề án 06 và dịch vụ công;
- Hình thức tuyên truyền và phản ứng của người dân;
- Tồn tại, vướng mắc;
- Nguyên nhân:
- + Khách quan
- + Chủ quan
- Giải pháp:

(3) Dự kiến các chương trình, nội dung, kế hoạch và hình thức tuyên truyền trong thời gian tới.

3. Về hoàn thiện thể chế

- Tiến độ hoàn thiện các văn bản pháp luật cần thực hiện ngay theo lộ trình của Đề án 06/CP;
- Kết quả ban hành các văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành để hoàn thiện, hướng dẫn các quy trình nghiệp vụ để thực hiện
- Địa phương đánh giá sâu việc chỉ đạo cơ quan, đơn vị, tổ chức, ban, ngành có liên quan rà soát, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú giấy, xác nhận thông tin yêu cầu giấy tờ cư trú.
- Rà soát, sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật để ứng dụng VNeID trong công tác chuyển đổi số (*như: Lĩnh vực ngân hàng, sửa đổi thông tư 23 để xác thực thông tin khách hàng đăng ký tài khoản qua VNeID; Lĩnh vực viễn thông, sửa đổi Nghị định 130 về chữ ký số; Lĩnh vực Y tế, bổ sung quy định cho phép sử dụng thông tin số sức khỏe điện tử trên VneID; Lĩnh vực giao thông, cho phép sử dụng giấy phép lái xe trên VneID...*)

- Tồn tại, vướng mắc, điểm nghẽn:
- Nguyên nhân:
- + Khách quan
- + Chủ quan
- Giải pháp:

4. Về dịch vụ công

Đánh giá thực trạng việc tiếp nhận, xử lý, trả kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến

(1) Về tiếp nhận hồ sơ: Thủ tục hồ sơ yêu cầu người dân, tổ chức cung cấp, thao tác trên cổng dịch vụ công, việc truy cập hệ thống và tiếp nhận hồ sơ của cán bộ. (Thực trạng; khó khăn vướng mắc; kiến nghị đề xuất).

(2) Quy trình nghiệp vụ: Quy trình xác thực thông tin, tài liệu người dân, tổ chức cung cấp, quy trình thực hiện đến bước trả kết quả cho người dân, tổ chức (Thực trạng; khó khăn vướng mắc; kiến nghị đề xuất).

(3) Trả kết quả: Hình thức trả kết quả nào người dân ưu tiên lựa chọn, phản ánh của người dân, tổ chức về việc các cơ quan chức năng khác chấp nhận trả kết quả điện tử (Thực trạng; khó khăn vướng mắc; kiến nghị đề xuất).

*** Đánh giá kết quả tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đối với 25 dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06 và 28 dịch vụ công thực hiện Quyết định 422/QĐ-TTg ngày 4/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ**

(Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 15/11/2023)

(1) Kết quả đối với từng dịch vụ công:

Tổng số kết quả giải quyết đối với từng thủ tục. Trong đó: trực tiếp...; qua DVC:..., đạt tỷ lệ.

(2) Phân tích kết quả qua DVC đối với từng thủ tục

- Tổng số hồ sơ yêu cầu; số hồ sơ được tiếp nhận, số hồ sơ trả lại bổ sung, số hồ sơ không tiếp nhận

+ Trong số hồ sơ được tiếp nhận: đã giải quyết, đang giải quyết, đã trả kết quả (bao nhiêu hồ sơ giải quyết quá hạn, nguyên nhân quá hạn).

+ Số hồ sơ không tiếp nhận: lý do không tiếp nhận (do công dân, doanh nghiệp thực hiện sai quy trình).

+ Số hồ sơ trả lại yêu cầu bổ sung: nguyên nhân trả lại (hồ sơ thiếu thủ tục, trả lại yêu cầu bổ sung theo quy định, không có trên cơ sở dữ liệu).

(3) Đánh giá khả năng tiếp cận của công dân về dịch vụ công

Phản ánh khiếu nại của công dân, tổ chức khi thực hiện các thủ tục hành chính trên dịch vụ công và giải pháp khắc phục (phân tích cụ thể theo các lý do, bám vào quy trình, thủ tục).

(Theo Phụ lục 2,3 gửi kèm)

5. Về kỹ thuật (hạ tầng, đường truyền, trang thiết bị, phần mềm, bảo mật...)

(1) Về hạ tầng Internet, đường truyền phục vụ tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả cho người dân: Số lượng, chất lượng đường truyền có đảm bảo không?

(2) Về hạ tầng kỹ thuật để thực hiện quy trình nghiệp vụ: mạng nội bộ, đường truyền nội bộ, hệ thống CSDL chuyên ngành, đã số hóa các tài liệu theo tiêu chuẩn chưa?

(3) Trang thiết bị (máy tính, máy in, máy Scan...): phục vụ kết nối Internet, mạng nội bộ thực hiện giải quyết DVC và trả kết quả cho người dân; trang thiết bị phục vụ công tác nghiệp vụ của cơ quan thực hiện xử lý nghiệp vụ phục vụ giải quyết hồ sơ cho người dân.

(4) Thực hiện công tác bảo mật bảo đảm an ninh, an toàn thông tin đối với hệ thống của các sở, ngành, địa phương theo chức năng nhiệm vụ được giao.

6. Nguồn nhân lực

(1) Phân tích nguồn nhân lực thực hiện các dịch vụ công thiết yếu của Đề án 06: Tổng số; số tăng, giảm khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

(2) Trình độ cán bộ thực hiện công tác tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả đối với 25 DVC thiết yếu: đã được đào tạo CNTT; chưa qua đào tạo CNTT.

(3) Đề xuất về nhu cầu bố trí cán bộ cần để đảm bảo thực hiện hiệu quả 25 DVC thiết yếu thuộc Đề án 06.

Phân tích cụ thể theo từng cấp (huyện, xã), từng lĩnh vực.

(4) Yêu cầu về đào tạo bồi dưỡng cán bộ để đáp ứng công tác hiệu quả.

7. Về bố trí ngân sách, nguồn lực triển khai Đề án

- Kết quả xây dựng các dự án triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án; kinh phí (được duyệt, được cấp, đã thực hiện...) từ nguồn nào ?.

- Công tác tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ công chức, viên chức phục vụ triển khai Đề án 06.

- Tồn tại, vướng mắc, điểm nghẽn.

- Nguyên nhân:

+ Khách quan

+ Chủ quan

- Giải pháp:

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ, GIẢI PHÁP

1. Ưu điểm

2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguy cơ; giải pháp

(Đánh giá cụ thể nhiệm vụ đã hoàn thành, chưa hoàn thành về tiến độ thời gian theo lộ trình Đề án 06 được giao)

3. Bài học kinh nghiệm.

IV. ĐỀ XUẤT KHEN THƯỞNG

- Đối với tập thể.

- Đối với Cá nhân.

V. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN NĂM 2024

1. Dự báo tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương; nhiệm vụ thực hiện Đề án 06 trong năm 2024.

2. Đánh giá nguy cơ, khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn có thể tác động, ảnh hưởng đến thực hiện Đề án 06.

3. Giải pháp thực hiện.

PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Tình hình triển khai thực hiện văn bản chỉ đạo

STT	Nhiệm vụ được giao	Văn bản giao nhiệm vụ	Cơ quan thực hiện	Thời hạn hoàn thành	Kết quả thực hiện	Ghi chú
-----	--------------------	-----------------------	-------------------	---------------------	-------------------	---------

2. Phụ lục II: Tình hình triển khai 25 dịch vụ công trực tuyến thiết yếu

STT	Dịch vụ công trực tuyến	Kết nối với Cổng DVC quốc gia (đã kết nối, chưa kết nối)	Tổng số hồ sơ (bao gồm cả trực tiếp và trực tuyến)			Tình hình xử lý hồ sơ trực tuyến		Khó khăn, vướng mắc
			Tổng hồ sơ	Trực tuyến	Tỷ lệ	Đúng hạn	Quá hạn	
1								
2								

3. Phụ lục III: Tình hình triển khai 28 dịch vụ công trực tuyến thiết yếu theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Dịch vụ công trực tuyến	Kết nối với Cổng DVC quốc gia (đã kết nối, chưa kết nối)	Tổng số hồ sơ (bao gồm cả trực tiếp và trực tuyến)			Tình hình xử lý hồ sơ trực tuyến		Khó khăn, vướng mắc
			Tổng hồ sơ	Trực tuyến	Tỷ lệ	Đúng hạn	Quá hạn	
1								
2								